



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN
THƯƠNG MẠI VIỄN ĐÔNG

806 Âu Cơ, Phường 14, Q.Tân Bình, TP.Hồ Chí Minh
Tel: 028.38428633 – Fax: 028.38425880 – <https://dautuviendong.vn>

QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN

VIDON CORP., 2019

TP.Hồ Chí Minh, tháng 08 năm 2019

QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN

VIDON CORP., 2019

Mục lục

Điều 1: Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng	3
Điều 2: Giải thích từ ngữ	3
Điều 3: Nguyên tắc công bố thông tin	4
Điều 4: Người thực hiện công bố thông tin	5
Điều 5. Phương tiện công bố thông tin	6
Điều 6: Tạm hoãn công bố thông tin	7
Điều 7: Công bố thông tin định kỳ.....	7
Điều 8: Công bố thông tin bất thường	11
Điều 9: Công bố thông tin theo yêu cầu	14
Điều 10: Công bố thông tin về việc niêm yết trái phiếu doanh nghiệp	14
Điều 11: Công bố thông tin về việc phát hành trái phiếu doanh nghiệp.....	14
Điều 12: Công bố thông tin về việc phát hành thêm cổ phiếu.....	15
Điều 13: Công bố thông tin về giao dịch cổ phiếu quỹ	16
Điều 14: Công bố thông tin về sở hữu cổ phiếu của cổ đông lớn.....	16
Điều 15: Công bố thông tin về giao dịch của cổ đông sáng lập trong thời gian bị hạn chế chuyển nhượng.....	17
Điều 16: Công bố thông tin về giao dịch của người nội bộ của Công ty và người có liên quan của người nội bộ	17
Điều 17: Công bố thông tin về giao dịch chào mua công khai	18
Điều 18. Nguồn và định dạng thông tin.....	18
Điều 19. Quy trình công bố thông tin	19
Điều 20. Bảo quản và lưu trữ thông tin.....	21
Điều 21: Trách nhiệm của Người được ủy quyền CBTT	21
Điều 22: Trách nhiệm, quan hệ giữa các phòng ban Công ty trong việc CBTT	22
Điều 23: Tổ chức thực hiện – Xử lý vi phạm	22
Điều 24: Hiệu lực thi hành.....	22
PHỤ LỤC A: DANH MỤC MẪU BIỂU CÔNG BỐ THÔNG TIN TẠI SSC & HOSE	
PHỤ LỤC B: DANH MỤC MẪU BIỂU CÔNG BỐ THÔNG TIN TẠI HOSE	
PHỤ LỤC C: TÓM TẮT MỘT SỐ NỘI DUNG TRỌNG YẾU VỀ CBTT	
PHỤ LỤC D: CÁC PHƯƠNG TIỆN & HÌNH THỨC CBTT CỦA VIDON CORP.	
SƠ ĐỒ 01:	QUY TRÌNH THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA VIDON CORP.
SƠ ĐỒ 02:	QUY TRÌNH PHỐI HỢP CBTT BÁO CÁO TÀI CHÍNH
SƠ ĐỒ 03:	QUY TRÌNH PHỐI HỢP CBTT ĐỊNH KỲ - CÁC SỰ KIỆN TRỌNG YẾU

	DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT
BCTC	Báo cáo tài chính
CBTT	Công bố thông tin
Công ty	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông (VIDON CORP.)
Điều lệ Công ty	Điều lệ hiện hành của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông
DHCD	Đại hội đồng cổ đông thường niên
SGDCK	Sở Giao dịch Chứng khoán
SGDCK TP.HCM	Sở Giao dịch Chứng khoán TP.Hồ Chí Minh (HOSE)
TCKT	Tổ chức kiểm toán
TTLKCK	Trung tâm Lưu ký Chứng khoán
TTLKCK Việt Nam	Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD)
QTCT	Quản trị công ty
UBCK	Ủy ban Chứng khoán
UBCKNN	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (SSC)

QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số **45.19** /NQ-HĐQT ngày **13** /08/2019
của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông)*

Quy chế công bố thông tin của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông được xây dựng trên các cơ sở pháp lý:

- Luật Chứng khoán (năm 2006); Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán (năm 2010); Luật Doanh nghiệp (năm 2014); và các văn bản pháp quy hướng dẫn thi hành;
- Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
- Quy chế công bố thông tin ban hành theo Quyết định số 340/QĐ-SGDHCM ngày 19 tháng 8 năm 2016 của Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán TP.Hồ Chí Minh;
- Quy chế thực hiện quyền cho người sở hữu chứng khoán ban hành theo Quyết định số 197/QĐ-VSD ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Tổng Giám đốc Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam;
- Điều lệ và Quy chế quản trị nội bộ hiện hành của Công ty (năm 2018);

CHƯƠNG I: NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1: Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định về nghĩa vụ CBTT trên thị trường chứng khoán Việt Nam theo các cơ sở pháp lý nêu trên; về phối hợp quan hệ giao dịch công tác giữa các đơn vị, phòng ban, cá nhân có liên quan của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông.

2. Đối tượng áp dụng: Các đối tượng chịu sự điều chỉnh của Quy chế này bao gồm:

- a) Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông, viết tắt là “Công ty”;
- b) Người nội bộ của Công ty;
- c) Người có liên quan của người nội bộ của Công ty;
- d) Đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan khác với Công ty;
- e) Nhà đầu tư thuộc đối tượng CBTT có liên quan đến cổ phiếu, trái phiếu Công ty;

Điều 2: Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Nhà đầu tư thuộc đối tượng CBTT được quy định tại khoản 4 Điều 2 Thông tư 155/2015/TT-BTC ngày 6 tháng 10 năm 2015.

2. Người nội bộ của Công ty là những cá nhân được quy định tại khoản 5 Điều 2 Thông tư 155/2015/TT-BTC ngày 6 tháng 10 năm 2015.
3. Người có liên quan là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 17 Điều 4 Luật Doanh nghiệp và khoản 34 Điều 6 Luật Chứng khoán.
4. Ngày công bố thông tin là ngày thông tin xuất hiện tại một trong các phương tiện CBTT được quy định tại khoản 1 Điều 5 Quy chế này.
5. Ngày báo cáo về việc CBTT là ngày gửi dữ liệu điện tử, ngày thông tin được tiếp nhận trên trang thông tin điện tử của UBCKNN, SGDCK; hoặc UBCKNN, SGDCK nhận được văn bản báo cáo về việc CBTT tùy theo thời điểm nào đến trước.
6. Số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết của Công ty là số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty đã phát hành trừ đi số cổ phiếu có quyền biểu quyết được Công ty mua lại làm cổ phiếu quỹ (nếu có).
7. Tổ chức kiểm toán thực hiện kiểm toán cho Công ty là tổ chức kiểm toán trong danh sách được UBCKNN chấp thuận thực hiện kiểm toán, soát xét báo cáo tài chính, báo cáo khác của các đơn vị có lợi ích công chúng (công ty niêm yết, công ty đại chúng có quy mô lớn).
8. Ngày hoàn tất giao dịch chứng khoán được xác định như sau:

a) Là ngày kết thúc việc thanh toán giao dịch trong trường hợp giao dịch thực hiện qua SGDCK.

b) Là ngày kết thúc việc chuyển quyền sở hữu chứng khoán tại TTLKCK trong trường hợp giao dịch không thực hiện qua SGDCK.

Điều 3: Nguyên tắc công bố thông tin

1. Việc CBTT của Công ty phải đầy đủ, chính xác và kịp thời theo qui định của pháp luật và phải bảo đảm:

a) Đối tượng CBTT phải chịu trách nhiệm về nội dung thông tin công bố. Trường hợp có sự thay đổi nội dung thông tin đã công bố, đối tượng CBTT phải công bố nội dung thay đổi và lý do thay đổi thông tin đã công bố trước đó;

b) Trường hợp có sự kiện, thông tin làm ảnh hưởng đến giá chứng khoán, đối tượng CBTT phải xác nhận hoặc đính chính về sự kiện, thông tin đó trong vòng 24 giờ, kể từ khi nhận biết được về sự kiện, thông tin đó hoặc theo yêu cầu của UBCKNN, SGDCK;

c) Việc công bố các thông tin cá nhân bao gồm số Thẻ căn cước công dân, số Chứng minh nhân dân hoặc số Hộ chiếu còn hiệu lực, địa chỉ liên lạc, địa chỉ thường trú, số điện thoại, số fax, email, số tài khoản giao dịch chứng khoán, số tài khoản lưu ký chứng khoán, số tài khoản ngân hàng chỉ được thực hiện nếu chủ thể liên quan đồng ý.

2. Các đối tượng quy định tại Điều 1 Quy chế này khi CBTT phải đồng thời báo cáo UBCKNN và SGDCK về nội dung thông tin công bố, bao gồm đầy đủ các thông tin theo quy định. Trường hợp thông tin công bố bao gồm các thông tin cá nhân quy định tại Điểm c khoản 1 Điều này và các đối tượng CBTT không muốn công khai các thông tin này thì phải gửi UBCKNN và SGDCK 02 bản tài liệu, 01 bản báo cáo về việc CBTT bao gồm đầy đủ thông tin cá nhân và 01 bản báo cáo không bao gồm thông tin cá nhân để UBCKNN và SGDCK thực hiện CBTT.

3. Các đối tượng quy định tại Điều 1 Quy chế này đăng ký thông tin liên hệ sau khi đăng ký ngày giao dịch đầu tiên hoặc đăng ký lại trong thời hạn 24 giờ trước khi sự thay đổi thông tin liên hệ có hiệu lực theo mẫu CBTT/SGDHCM-01 (Quy chế CBTT tại HOSE).

4. Các đối tượng quy định tại Điều 1 công bố các thông tin định kỳ/bất thường/theo yêu cầu... tới SGDCK TP.HCM theo mẫu CBTT/SGDHCM-02 (Quy chế CBTT tại HOSE) và gửi kèm văn bản thông tin công bố.

5. Việc CBTT thực hiện theo đúng mẫu và bao gồm đầy đủ các thông tin theo quy định tại Thông tư 155/2015/TT-BTC, Quy chế này và các quy định pháp luật khác có liên quan. Từ ngữ sử dụng trong thông tin công bố cần rõ ràng, dễ hiểu và tránh gây hiểu lầm cho cổ đông hay nhà đầu tư.

6. Trường hợp có sự thay đổi nội dung thông tin đã công bố, Công ty nêu rõ thông tin thay đổi và lý do thay đổi theo mẫu CBTT/SGDHCM-02 (Quy chế tại HOSE) và gửi kèm công văn thông tin đính chính.

7. Các đối tượng CBTT có trách nhiệm bảo quản, lưu trữ thông tin đã báo cáo, công bố theo quy định sau:

a) Các thông tin công bố định kỳ phải được lưu trữ dưới dạng văn bản (nếu có) và dữ liệu điện tử tối thiểu 10 năm. Các thông tin này phải được lưu trữ trên trang thông tin điện tử của đối tượng CBTT tối thiểu là 05 năm;

b) Các thông tin công bố bất thường hoặc theo yêu cầu phải lưu trữ trên trang thông tin điện tử của đối tượng CBTT trong tối thiểu 05 năm.

8. Ngôn ngữ thông tin công bố trên website của Công ty là tiếng Việt và tiếng Anh (tiếng nước ngoài thông dụng), nội dung thông tin công bố bằng tiếng Anh chỉ có tính tham khảo.

Điều 4: Người thực hiện công bố thông tin

Công ty thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin theo các quy định của pháp luật, đồng thời được quy định chi tiết tại Điều 4 Quy chế này như sau.

1. Người công bố thông tin của Công ty là Người đại diện theo pháp luật, là người có thẩm quyền cao nhất và chịu trách nhiệm toàn diện về việc CBTT trong phạm vi Công ty.

a) Người đại diện theo pháp luật của Công ty có thể ủy quyền bằng văn bản theo mẫu tại Phụ lục số 01 - Thông tư 155/2015/TT-BTC cho (i) Người được ủy quyền CBTT, hay/và cho (ii) Tổng giám đốc.

b) Người đại diện theo pháp luật chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác và kịp thời về thông tin do Người được ủy quyền CBTT công bố, hay/và do Tổng giám đốc công bố.

Trường hợp phát sinh sự kiện CBTT mà Người đại diện theo pháp luật, Người được ủy quyền CBTT và Tổng giám đốc đều vắng mặt thì đại diện khác của Công ty nhận ủy quyền của Người đại diện theo pháp luật có trách nhiệm thay thế thực hiện CBTT.

c) Công ty thực hiện đăng ký / đăng ký lại Người đại diện theo pháp luật, Người được ủy quyền CBTT, Tổng giám đốc được ủy quyền, kèm với Bản cung cấp thông tin của những người này theo Phụ lục số 03 - Thông tư 155/2015/TT-BTC cho UBCKNN, SGDCK tối thiểu 24 giờ trước khi việc ủy quyền có hiệu lực.

2. Nhà đầu tư thuộc đối tượng CBTT là cá nhân có thể tự thực hiện nghĩa vụ CBTT hoặc ủy quyền cho một tổ chức (công ty chứng khoán, công ty đại chúng, TTLKCK, tổ chức khác) hoặc một cá nhân khác thực hiện nghĩa vụ CBTT như sau:

a) Trường hợp tự thực hiện nghĩa vụ CBTT, trong lần CBTT đầu tiên, nhà đầu tư cá nhân phải nộp cho UBCKNN và SGDCK Bản cung cấp thông tin theo Phụ lục số 03 - Thông tư 155/2015/TT-BTC và có trách nhiệm cung cấp chính xác, kịp thời và đầy đủ thông tin khi có sự thay đổi các nội dung trong Bản cung cấp thông tin;

b) Trường hợp ủy quyền CBTT, nhà đầu tư cá nhân phải chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác và kịp thời về CBTT do Người được ủy quyền CBTT công bố. Nhà đầu tư có trách nhiệm cung cấp chính xác, kịp thời và đầy đủ thông tin về tình trạng sở hữu chứng khoán của mình và mối quan hệ với người có liên quan (nếu có) cho tổ chức hoặc cá nhân được ủy quyền CBTT về những nội dung cần phải CBTT theo quy định pháp luật;

c) Nhà đầu tư cá nhân đăng ký, đăng ký lại Người được ủy quyền CBTT theo Phụ lục số 02 - Thông tư 155/2015/TT-BTC cùng Bản cung cấp thông tin của nhà đầu tư cá nhân đó và của Người được ủy quyền CBTT theo Phụ lục số 03 - Thông tư 155/2015/TT-BTC cho UBCKNN, SGDCK tối thiểu 24 giờ trước khi việc ủy quyền có hiệu lực.

Điều 5. Phương tiện công bố thông tin

1. Các phương tiện CBTT được Công ty áp dụng bao gồm:

- a) Trang thông tin điện tử của Công ty (website);
- b) Hệ thống công bố thông tin của UBCKNN (IDS Plus);
- c) Trang thông tin điện tử của SGDCK TP.HCM;
- d) Trang thông tin điện tử của TTLKCK Việt Nam;
- e) Các phương tiện thông tin đại chúng khác theo quy định của pháp luật.

2. Công ty lập trang thông tin điện tử (website) và cập nhật các thông tin công bố theo quy định trên website như sau:

a) Công ty báo cáo với UBCKNN, SGDCK và công khai địa chỉ website và mọi thay đổi liên quan đến địa chỉ này trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày hoàn tất việc lập hoặc ngày thay đổi về địa chỉ website này.

Website hiện hành của Công ty: <https://www.dautuviendong.vn/>

b) Website của Công ty phải có các nội dung về ngành nghề kinh doanh và các nội dung phải công khai trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp và mọi thay đổi liên quan tới nội dung này; chuyên mục riêng về quan hệ công đồng/nhà đầu tư, trong đó phải công bố đầy đủ Điều lệ Công ty, Quy chế quản trị nội bộ, Bản cáo bạch (nếu có) và các thông tin công bố định kỳ, bất thường và theo yêu cầu quy định của pháp luật.

c) Website của Công ty phải hiển thị thời gian, đăng tải thông tin, đồng thời phải đảm bảo nhà đầu tư có thể tìm kiếm và tiếp cận được các dữ liệu trên website này.

3. Trường hợp nghĩa vụ CBTT phát sinh vào ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định pháp luật, Công ty thực hiện CBTT trên website của Công ty và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ CBTT theo quy định pháp luật ngay sau khi ngày nghỉ, ngày lễ kết thúc.

Điều 6: Tạm hoãn công bố thông tin

1. Đối tượng CBTT được tạm hoãn trong các trường hợp bất khả kháng (...). Đối tượng CBTT phải báo cáo UBCKNN, SGDCK về việc tạm hoãn CBTT ngay khi xảy ra sự kiện, trong đó nêu rõ lý do của việc tạm hoãn, đồng thời công bố về việc tạm hoãn CBTT.
2. Ngay sau khi đã khắc phục được tình trạng bất khả kháng, đối tượng CBTT có trách nhiệm công bố các thông tin tạm hoãn trước đó theo quy định pháp luật.

CHƯƠNG II: CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA CÔNG TY

Điều 7: Công bố thông tin định kỳ

1. Báo cáo tài chính năm. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập theo nguyên tắc sau:

a) Báo cáo tài chính bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp;

Trường hợp Công ty là công ty mẹ của một tổ chức khác, Công ty phải công bố 02 báo cáo: BCTC năm của riêng Công ty và BCTC năm hợp nhất theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp;

Trường hợp Công ty là doanh nghiệp cấp trên có các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân thì phải công bố BCTC năm của riêng Công ty và BCTC năm tổng hợp theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp;

b) Toàn văn báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán phải được công bố đầy đủ, kể cả báo cáo kiểm toán độc lập đối với BCTC đó. Trường hợp kiểm toán không chấp nhận toàn phần BCTC, Công ty phải công bố báo cáo tài chính năm, báo cáo kiểm toán kèm theo văn bản giải trình của Công ty.

c) Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không quá 90 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

Trường hợp Công ty *không thể hoàn thành việc công bố BCTC do phải lập BCTC hợp nhất hoặc BCTC năm tổng hợp, hoặc do các công ty con, công ty liên kết cũng phải lập BCTC được kiểm toán, BCTC hợp nhất hoặc BCTC tổng hợp*; thì gửi văn bản đề nghị UBCKNN để được xem xét gia hạn thời gian công bố; nhưng thời gian công bố tối đa không quá 100 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính bảo đảm phù hợp với quy định pháp luật liên quan.

2. Báo cáo tài chính bán niên. Công ty công bố Báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét bởi tổ chức kiểm toán độc lập theo nguyên tắc sau:

a) Báo cáo tài chính bán niên là BCTC giữa niên độ dạng đầy đủ theo Chuẩn mực kế toán “Báo cáo tài chính giữa niên độ”, trình bày số liệu tài chính trong 06 tháng đầu năm tài chính của Công ty, được lập theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này. BCTC bán niên phải được soát xét theo Chuẩn mực về công tác soát xét báo cáo tài chính.

Toàn văn BCTC bán niên phải được công bố đầy đủ, kèm theo ý kiến kiểm toán và văn bản giải trình của công ty trong trường hợp BCTC bán niên được soát xét có kết luận của kiểm toán viên là không đạt yêu cầu;

b) Công ty công bố BCTC bán niên đã được soát xét trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét nhưng không vượt quá 45 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính.

Trường hợp Công ty không thể hoàn thành việc công bố BCTC bán niên trong thời hạn nêu trên do tác động tương tự khoản 1c Điều này, thì gửi văn bản đề nghị UBCKNN để được xem xét gia hạn thời gian công bố, nhưng thời gian công bố tối đa không quá 60 ngày, kể từ ngày kết thúc 6 tháng đầu năm của năm tài chính bảo đảm phù hợp với quy định pháp luật liên quan.

3. Báo cáo tài chính quý. Công ty công bố BCTC quý hoặc công bố BCTC quý được soát xét (nếu có) theo nguyên tắc sau:

a) Báo cáo tài chính quý là BCTC giữa niên độ dạng đầy đủ theo Chuẩn mực kế toán “Báo cáo tài chính giữa niên độ” được lập theo quy định tại khoản 1a Điều này.

Toàn văn BCTC quý hoặc BCTC quý được soát xét (nếu có) phải được công bố đầy đủ, kèm theo ý kiến kiểm toán và văn bản giải trình của Công ty trong trường hợp BCTC quý được soát xét (nếu có) có kết luận của kiểm toán viên là không đạt yêu cầu;

b) Công ty công bố báo cáo tài chính quý trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày kết thúc quý.

Công ty công bố báo cáo tài chính quý được soát xét (nếu có) trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét.

Trường hợp Công ty không thể hoàn thành việc công bố BCTC quý trong thời hạn nêu trên do tác động tương tự khoản 1c Điều này, thì gửi văn bản đề nghị UBCKNN để được xem xét gia hạn thời gian công bố, nhưng thời gian công bố tối đa không quá 30 ngày, kể từ ngày kết thúc kỳ BCTC quý bảo đảm phù hợp với quy định pháp luật liên quan.

4. Khi CBTT các báo cáo tài chính nêu tại khoản 1, 2, 3 Điều này, Công ty phải đồng thời giải trình nguyên nhân khi xảy ra một trong số các trường hợp sau:

a) Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ công bố thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước;

b) Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ; hoặc chuyển từ lãi ở kỳ trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại;

c) Số liệu, kết quả hoạt động kinh doanh lũy kể từ đầu năm tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong BCTC quý 2 đã công bố so với BCTC bán niên được soát xét; hoặc tại BCTC quý 4 đã công bố so với BCTC năm được kiểm toán có sự chênh lệch từ 5% trở lên; hoặc chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại;

d) Số liệu, kết quả hoạt động kinh doanh tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán hoặc soát xét từ 5% trở lên.

5. Công ty giải trình nguyên nhân phát sinh các sự kiện quy định tại khoản 4 Điều này, để được công bố đồng thời với (các) báo cáo tài chính định kỳ của Công ty.

6. Báo cáo thường niên.

Công ty lập Báo cáo thường niên theo Phụ lục số 04 - Thông tư số 155/2015 /TT-BTC và công bố báo cáo này chậm nhất là 20 ngày sau ngày công bố Báo cáo tài chính năm được kiểm toán nhưng không vượt quá 120 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

Thông tin tài chính trong Báo cáo thường niên phải phù hợp với Báo cáo tài chính năm được kiểm toán.

7. Báo cáo tình hình quản trị công ty.

Định kỳ 06 tháng và năm, Công ty lập Báo cáo tình hình quản trị công ty theo Phụ lục số 05 - Thông tư số 155/2015/TT-BTC. Đối với SGDCK, gửi thêm một (01) bản chính nhưng không bao gồm các thông tin cá nhân theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Quy chế này. Thời hạn CBTT Báo cáo tình hình quản trị công ty chậm nhất là 30 ngày, kể từ ngày kết thúc kỳ báo cáo.

8. Tổ chức niêm yết gửi Bảng cung cấp thông tin về quản trị công ty 06 tháng đầu năm và cả năm dương lịch gửi đến SGDCK.

a) Tài liệu bao gồm:

- Một (01) bản chính, mẫu CBTT/SGDHCM-03 kèm theo Quy chế CBTT tại HOSE.
- Một (01) bản dữ liệu điện tử định dạng Excel.

b) Thời hạn gửi: Báo cáo 06 tháng đầu năm chậm nhất là ngày 30/07 và báo cáo năm chậm nhất là ngày 30/01 năm tiếp theo.

9. Công bố thông tin về họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

a) Trường hợp lập danh sách cổ đông thực hiện quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông, Công ty phải CBTT tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.

b) Chậm nhất 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông, Công ty công bố trên website của Công ty và UBCKNN, SGDCK về việc họp Đại hội đồng cổ đông, trong đó nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên, bao gồm:

- Thông báo mời họp;
- Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;
- Chương trình họp;
- Phiếu biểu quyết;
- Thông báo ứng cử đề cử, danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên nếu đã xác định trước trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
- Các tài liệu tham khảo làm cơ sở thông qua quyết định và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp;

Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông phải được đăng tải và cập nhật sửa đổi, bổ sung (nếu có) cho tới khi kết thúc Đại hội đồng cổ đông;

c) Trường hợp không tổ chức thành công cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất, Công ty phải công bố về chương trình và thời điểm dự kiến tổ chức các cuộc họp kế tiếp, tiếp tục duy trì việc đăng tải và cho phép cổ đông tải tài liệu họp Đại hội theo quy định tại khoản 9 Điều này cho tới khi tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông.

d) Biên bản họp, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên phải được công bố theo quy định tại khoản 1c Điều 8 Quy chế này.

10. Công bố thông tin về hoạt động chào bán và báo cáo sử dụng vốn

a) Trường hợp bán cổ phiếu ra công chúng:

- Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng khoán ra công chúng có hiệu lực, Công ty công bố Bản thông báo phát hành trên một tờ báo điện tử hoặc báo cáo viết (phạm vi phát hành toàn quốc) trong ba kỳ liên tiếp theo mẫu tại Phụ lục số 11 và số 12 - Thông tư 162/2015/TT-BTC. Bản thông báo phát hành và Bản cáo bạch chính thức cũng phải được đăng tải trên website của Công ty, UBCKNN, SGDCK.

- Công ty báo cáo kết quả đợt chào bán chứng khoán cho UBCKNN và CBTT trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán. Tài liệu báo cáo và CBTT về kết quả chào bán bao gồm:

Báo cáo kết quả chào bán chứng khoán theo mẫu tại Phụ lục số 13, Phụ lục số 14 - Thông tư 162/2015/TT-BTC;

Xác nhận của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản phong tỏa về số tiền thu được từ đợt chào bán (ngoại trừ trường hợp chào bán cổ phiếu để hoán đổi theo quy định tại Thông tư 162/2015/TT-BTC)

- Trường hợp huy động vốn để thực hiện các dự án đầu tư, định kỳ 06 tháng kể từ ngày kết thúc đợt chào bán cho đến khi hoàn thành dự án, hoặc cho đến khi đã giải ngân hết số tiền huy động được, Công ty phải báo cáo UBCKNN và phải CBTT về tiến độ sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán theo Mẫu số 05 Phụ lục - Nghị định 60/ 2015/NĐ-CP.

- Trường hợp thay đổi các nội dung tại phương án sử dụng vốn, mục đích sử dụng vốn, trong vòng 10 ngày kể từ khi ra quyết định thay đổi các nội dung này, Công ty phải báo cáo UBCKNN và CBTT nội dung thay đổi trên website của Công ty. Mọi thay đổi phải được báo cáo lại tại kỳ họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất.

Công ty phải công bố báo cáo sử dụng vốn được kiểm toán xác nhận tại Đại hội đồng cổ đông hoặc thuyết minh chi tiết việc sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán trong báo cáo tài chính năm được kiểm toán xác nhận. Quy định này không áp dụng đối với trường hợp Công ty chào bán cổ phiếu để hoán đổi các khoản nợ hoặc hoán đổi cổ phần, phần vốn góp.

b) Trường hợp Chào bán cổ phần riêng lẻ: Tổ chức phát hành phải công bố báo cáo sử dụng vốn được kiểm toán xác nhận tại Đại hội đồng cổ đông hoặc thuyết minh chi tiết việc sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán trong báo cáo tài chính năm được kiểm toán xác nhận.

Quy định này không áp dụng đối với trường hợp công ty đại chúng chào bán cổ phiếu để hoán đổi các khoản nợ hoặc hoán đổi cổ phần, phần vốn góp.

11. Báo cáo về Danh sách cổ đông nhà nước, cổ đông chiến lược, cổ đông lớn và cổ phiếu quỹ:

Công ty lập và gửi Danh sách cổ đông nhà nước, cổ đông chiến lược, cổ đông lớn và cổ phiếu quỹ công ty theo sổ cổ đông gần nhất tại thời điểm 06 tháng đầu năm và 06 tháng cuối năm dương lịch đến SGDCK.

Tài liệu bao gồm:

- Một (01) bản chính, mẫu CBTT/SGDHCM-04 kèm theo Quy chế CBTT của HOSE.
- Một (01) bản dữ liệu điện tử định dạng Excel.

Thời hạn gửi:

- Báo cáo 06 tháng đầu năm dương lịch: căn cứ trên danh sách cổ đông được chốt đến thời điểm gần nhất trước ngày 31/05 và gửi cho SGDCK chậm nhất là ngày 10/06.
- Báo cáo 06 tháng cuối năm dương lịch: căn cứ trên danh sách cổ đông được chốt đến thời điểm gần nhất trước ngày 30/11 và gửi cho SGDCK chậm nhất là ngày 10/12.
- Hoặc thời điểm khác theo yêu cầu của UBCKNN, SGDCK TP.HCM

12. Công bố thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài:

Công ty CBTT về giới hạn tỷ lệ sở hữu nước ngoài của Công ty và các thay đổi liên quan đến tỷ lệ sở hữu này trên trang thông tin điện tử của Công ty, của SGDCK và Trung tâm lưu ký chứng khoán theo quy định pháp luật chứng khoán hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

Điều 8: Công bố thông tin bất thường

1. Công ty CBTT bất thường (nêu rõ sự kiện xảy ra, nguyên nhân và các giải pháp khắc phục (nếu có)) trong thời gian 24 giờ kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây:

a) Tài khoản của Công ty tại ngân hàng bị phong tỏa hoặc tài khoản được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa, ngoại trừ trường hợp phong tỏa theo yêu cầu của chính Công ty;

b) Tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh; bổ sung hoặc giảm một số ngành nghề kinh doanh; bị đình chỉ hoặc thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh / Giấy phép thành lập và hoạt động (...); thay đổi thông tin trong Báo cáo bạch sau khi đã được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán;

c) Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông, bao gồm nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, biên bản họp hoặc biên bản kiểm phiếu (trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản).

Trường hợp Đại hội đồng cổ đông thông qua việc hủy niêm yết, Công ty phải CBTT về việc hủy niêm yết kèm theo tỷ lệ thông qua của cổ đông không phải là cổ đông lớn;

d) Quyết định mua hoặc bán cổ phiếu quỹ; ngày thực hiện quyền mua cổ phiếu của người sở hữu trái phiếu kèm theo quyền mua cổ phiếu hoặc ngày thực hiện chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi sang cổ phiếu; quyết định chào bán chứng khoán ra nước ngoài và các quyết định liên quan đến việc chào bán chứng khoán theo quy định pháp luật về doanh nghiệp;

e) Quyết định về mức cổ tức, hình thức trả cổ tức, thời gian trả cổ tức; quyết định tách, gộp cổ phiếu;

f) Quyết định về việc tổ chức lại doanh nghiệp (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp), giải thể doanh nghiệp; thay đổi tên Công ty, con dấu của Công ty; thay đổi địa điểm, thành lập mới hoặc đóng cửa trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch; sửa đổi, bổ sung Điều lệ; chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;

g) Quyết định thay đổi kỳ kế toán, chính sách kế toán áp dụng (trừ trường hợp thay đổi chính sách kế toán áp dụng do thay đổi quy định pháp luật); thông báo doanh nghiệp kiểm toán đã ký hợp đồng kiểm toán báo cáo tài chính năm hoặc thay đổi doanh nghiệp kiểm toán (sau khi đã ký hợp đồng);

... doanh nghiệp kiểm toán từ chối kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty; kết quả điều chỉnh hồi tố báo cáo tài chính (nếu có); ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần của kiểm toán viên đối với báo cáo tài chính;

h) Quyết định tham gia góp vốn thành lập, mua để tăng sở hữu trong một công ty dẫn đến công ty đó trở thành công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết hoặc bán để giảm sở hữu tại công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết dẫn đến công ty đó không còn là công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết hoặc để giải thể công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết; đóng, mở chi nhánh, nhà máy, văn phòng đại diện. Đối với SGDCK TP.HCM, công ty sử dụng mẫu CBTT/SGDHCM-07 kèm theo Quy chế CBTT tại HOSE.

i) Quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với người nội bộ hoặc người có liên quan;

j) Quyết định phát hành trái phiếu chuyển đổi, cổ phiếu ưu đãi;

k) Khi có sự thay đổi số cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành. Thời điểm CBTT được thực hiện như sau:

- Trường hợp Công ty phát hành thêm cổ phiếu, tính từ thời điểm Công ty báo cáo UBCKNN về kết quả phát hành theo quy định pháp luật về phát hành chứng khoán;
- Trường hợp Công ty giao dịch cổ phiếu quỹ, tính từ thời điểm Công ty báo cáo kết quả giao dịch cổ phiếu quỹ theo quy định pháp luật về giao dịch cổ phiếu quỹ;
- Trường hợp Công ty mua lại cổ phiếu của cán bộ công nhân viên theo chương trình lựa chọn của người lao động trong Công ty hoặc mua lại cổ phiếu lẻ của Công ty thông qua công ty chứng khoán, Công ty CBTT trong vòng 10 ngày đầu tiên của tháng trên cơ sở các giao dịch đã hoàn tất và cập nhật đến ngày CBTT;
- Đối với SGDCK TP.HCM, thực hiện công bố theo mẫu CBTT/SGDHCM-08 kèm theo Quy chế CBTT tại HOSE.

l) Khi nhận được Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động của Công ty sửa đổi, bổ sung.

m) Công ty thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm người nội bộ. Trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày CBTT về việc thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm người nội bộ:

- Công ty gửi cho UBCKNN, SGDCK nơi Công ty niêm yết Bản cung cấp thông tin của người nội bộ mới (nếu có) theo Phụ lục số 03 - Thông tư 155/2015/TT-BTC;
- Đối với SGDCK, công ty gửi kèm Danh sách người nội bộ và người có liên quan theo mẫu CBTT/SGDHCM-05 kèm theo Quy chế CBTT tại HOSE;

n) Khi nhận được quyết định khởi tố, tạm giam, truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người nội bộ Công ty;

o) Khi nhận được bản án, quyết định của Tòa án liên quan đến hoạt động của Công ty; kết luận của cơ quan thuế về việc Công ty vi phạm pháp luật về thuế;

p) Quyết định vay hoặc phát hành trái phiếu dẫn đến tổng giá trị các khoản vay của Công ty có giá trị từ 30% vốn chủ sở hữu trở lên tính tại báo cáo tài chính năm gần nhất đã được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét;

Trường hợp tổng giá trị các khoản vay của Công ty đạt từ 30% vốn chủ sở hữu trở lên tính tại báo cáo tài chính năm gần nhất đã được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét, Công ty CBTT về các quyết định vay thêm hoặc phát hành thêm trái phiếu có giá trị từ 10% vốn chủ sở hữu trở lên theo báo cáo tài chính năm gần nhất đã kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét;

q) Công ty nhận được thông báo của Tòa án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản doanh nghiệp;

r) Vốn góp của chủ sở hữu bị giảm từ 10% trở lên tại báo cáo tài chính năm gần nhất đã được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét;

s) Quyết định tăng, giảm vốn điều lệ; quyết định vốn đầu tư vào một tổ chức, dự án, vay, cho vay hoặc các giao dịch khác với giá trị từ 10% trở lên trên tổng tài sản của Công ty tại báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét;

quyết định góp vốn có giá trị từ 50% trở lên vốn điều lệ của một tổ chức (xác định theo vốn điều lệ của tổ chức nhận vốn góp trước thời điểm góp vốn); quyết định mua, bán tài sản có giá trị từ 15% trở lên trên tổng tài sản của Công ty tại báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét;

t) Được chấp thuận hoặc bị hủy bỏ niêm yết tại SGDCK nước ngoài;

u) Khi xảy ra các sự kiện khác có ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc tình hình quản trị của Công ty;

2. Công bố thông tin về Đại hội đồng cổ đông bất thường hoặc thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản:

a) Việc công bố thông tin về Đại hội cổ đông bất thường thực hiện theo quy định tại khoản 8 Điều 7 Quy chế này;

b) Trường hợp lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản, chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến, Công ty phải công bố trên trang thông tin điện tử của mình, đồng thời gửi cho tất cả các cổ đông phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết.

3. Công bố thông tin về ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu:

a) Công ty báo cáo và nộp đầy đủ các tài liệu, căn cứ pháp lý liên quan đến ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện (các) quyền cho cổ đông hiện hữu cho TTLKCK, đồng thời báo cáo cho SGDCK và UBCKNN, và thực hiện CBTT chậm nhất 10 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến; trừ trường hợp CBTT về ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông theo khoản 9 Điều 7 Quy chế này.

Ngoài ra, trong vòng 15 ngày kể từ ngày đăng ký cuối cùng, tổ chức niêm yết gửi cho SGDCK các tài liệu sau:

- Một (01) bản chính Tóm tắt sổ cổ đông của Công ty tại ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền, mẫu CBTT/SGDHCM-09 kèm theo Quy chế CBTT tại HOSE.
- Một (01) bản dữ liệu điện tử định dạng Excel danh sách cổ đông tại ngày chốt danh sách thực hiện quyền.

b) Trường hợp Công ty hủy thông báo về ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền liên quan đến tỷ lệ thực hiện, các trường hợp phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và các trường hợp liên quan đến việc điều chỉnh giá tham chiếu tại ngày giao dịch không hưởng quyền của SGDCK, Công ty gửi thông báo bằng văn bản cho SGDCK nêu rõ lý do trong vòng 24 giờ kể từ khi ra thông báo nhưng chậm nhất 05 ngày làm việc trước ngày đăng ký cuối cùng, đồng thời CBTT về việc hủy nội dung thông báo.

4. Công bố thông tin trong các trường hợp đặc biệt khác như sau:

a) Sau khi thay đổi kỳ kế toán, Công ty công bố báo cáo tài chính khi thay đổi kỳ kế toán đã được kiểm toán theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán;

b) Sau khi hoàn tất việc chuyển đổi hình thức sở hữu doanh nghiệp đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật kế toán doanh nghiệp trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán;

c) Sau khi chia tách, hợp nhất, sáp nhập, Công ty là doanh nghiệp bị chia, bị tách hoặc bị sáp nhập công bố báo cáo tài chính khi chia tách, sáp nhập doanh nghiệp đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về kế toán doanh nghiệp trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán.

Điều 9: Công bố thông tin theo yêu cầu

1. Trong các trường hợp sau đây, Công ty CBTT trong vòng 24 giờ, kể từ khi nhận được yêu cầu của UBCKNN, SGDCK TP.HCM nơi Công ty niêm yết;

a) Khi xảy ra sự kiện ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư;

b) Có thông tin liên quan đến Công ty ảnh hưởng lớn đến giá chứng khoán cần phải xác nhận thông tin đó.

2. Nội dung thông tin công bố theo yêu cầu phải nêu rõ sự kiện được UBCKNN, SGDCK yêu cầu công bố; nguyên nhân và đánh giá của công ty về tính xác thực của sự kiện đó, giải pháp khắc phục (nếu có).

Điều 10: Công bố thông tin về việc niêm yết trái phiếu doanh nghiệp

Trường hợp niêm yết trái phiếu doanh nghiệp, Công ty thực hiện CBTT theo quy định tại các Điều 7, Điều 8, Điều 9 Quy chế này.

Điều 11: Công bố thông tin về việc phát hành trái phiếu doanh nghiệp

1. Trường hợp phát hành trái phiếu doanh nghiệp ra công chúng, Công ty thực hiện CBTT về việc chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra công chúng theo quy định pháp luật về chào bán trái phiếu ra công chúng.

2. Công ty thực hiện nghĩa vụ CBTT kể từ khi kết thúc đợt chào bán trái phiếu ra công chúng cho đến khi hoàn tất thanh toán trái phiếu, cụ thể như sau:

a) CBTT định kỳ về báo cáo tài chính năm, báo cáo bán niên theo quy định tại khoản 1 và khoản 6 Điều 7 Quy chế này.

Trường hợp chào bán trái phiếu ra công chúng để huy động vốn cho các dự án đầu tư cụ thể đã xác định, định kỳ 06 tháng kể từ tháng có ngày kết thúc đợt chào bán cho đến khi hoàn thành dự án hoặc khi đã giải ngân hết số tiền đã huy động:

- Công ty phải công bố về tiến độ sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc kỳ báo cáo (định kỳ 06 tháng),
- Công ty phải công bố báo cáo sử dụng vốn được kiểm toán xác nhận tại Đại hội đồng cổ đông hoặc thuyết minh chi tiết việc sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán trong báo cáo tài chính năm được kiểm toán xác nhận.

b) CBTT bắt thường theo quy định tại các điểm tương ứng tại khoản 1 Điều 8 Quy chế này và phải nêu rõ sự kiện xảy ra, nguyên nhân, giải pháp khắc phục (nếu có).

Trường hợp có sự thay đổi mục đích sử dụng vốn so với nội dung đã nêu tại bản báo cáo bạch, Công ty phải CBTT về lý do và quyết định, nghị quyết Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông về sự thay đổi đó trong vòng 24 giờ, kể từ khi có quyết định về việc thay đổi mục đích sử dụng vốn.

c) Trường hợp phát hành trái phiếu chuyển đổi không bắt buộc, Công ty phải gửi thư thông báo tới từng trái chủ và thực hiện CBTT về thời gian, tỷ lệ, giá, địa điểm đăng ký chuyển đổi chậm nhất 01 tháng trước ngày chuyển đổi trái phiếu.

d) CBTT theo yêu cầu quy định tại Điều 9 Quy chế này.

Điều 12: Công bố thông tin về việc phát hành thêm cổ phiếu

1. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày UBCKNN thông báo về việc nhận được đầy đủ tài liệu báo cáo phát hành thêm cổ phiếu, Công ty phải CBTT trên các phương tiện thông tin đại chúng về việc phát hành theo thời hạn như sau:

a) Đối với trường hợp phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, việc CBTT phải được thực hiện ít nhất 07 ngày làm việc trước ngày đăng ký cuối cùng để phân bổ quyền theo mẫu tại Phụ lục số 19 - Thông tư 162/2015/TT-BTC.

b) Đối với trường hợp phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động, việc CBTT phải được thực hiện ít nhất 07 ngày làm việc trước ngày kết thúc việc thu mua cổ phiếu hoặc chuyển quyền sở hữu cổ phiếu thưởng theo mẫu tại Phụ lục số 20 - Thông tư 162/2015/TT-BTC.

2. Công ty phải gửi báo cáo kết quả phát hành cho UBCKNN và CBTT ra công chúng theo thời hạn như sau:

a) Đối với trường hợp phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, Công ty phải gửi báo cáo kết quả phát hành trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày đăng ký cuối cùng để phân bổ quyền theo mẫu tại Phụ lục số 21 - Thông tư số 162/2015/TT-BTC.

b) Đối với trường hợp phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động, Công ty phải gửi báo cáo kết quả phát hành trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc việc thu tiền mua cổ phiếu hoặc ngày chuyển quyền sở hữu cổ phiếu thưởng cho người lao động theo mẫu tại Phụ lục số 22 - Thông tư 162/2015/TT-BTC.

Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu phải kèm theo danh sách người lao động tham gia chương trình, nêu cụ thể về số lượng cổ phần của từng người lao động được tham gia.

3. Công ty tiến hành đăng ký niêm yết/ giao dịch bổ sung với SGDCK đối với số lượng cổ phiếu đã phát hành thêm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày UBCKNN gửi thông báo kết quả phát hành cho Công ty.

Điều 13: Công bố thông tin về giao dịch cổ phiếu quỹ

1. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày UBCKNN thông báo về việc nhận được đầy đủ tài liệu báo cáo mua lại cổ phiếu, bán cổ phiếu quỹ, Công ty phải CBTT trên phương tiện thông tin đại chúng theo Phụ lục số 24 - Thông tư 162/2015/TT-BTC. Giao dịch mua lại cổ phiếu, bán cổ phiếu quỹ được thực hiện ít nhất sau 07 ngày làm việc kể từ ngày Công ty thực hiện CBTT.

2. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc giao dịch mua lại cổ phiếu, bán cổ phiếu quỹ, Công ty phải gửi báo cáo kết quả giao dịch cho UBCKNN và CBTT ra công chúng theo mẫu tại Phụ lục số 25 - Thông tư 162/2015/TT-BTC.

Trong trường hợp công ty không thực hiện hết số lượng cổ phiếu dự kiến giao dịch, công ty phải báo cáo và công bố lý do không hoàn thành.

3. Công ty khi mua lại cổ phiếu, bán cổ phiếu quỹ phải thực hiện CBTT trên phương tiện CBTT của SGDCK. Nội dung và thời điểm CBTT theo khoản 1, 2 Điều này.

4. Trường hợp Công ty mua lại cổ phiếu của chính Công ty, sau khi thanh toán hết số cổ phiếu mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán giảm hơn 10% thì Công ty phải thông báo cho tất cả các chủ nợ biết và CBTT trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày hoàn tất nghĩa vụ thanh toán việc mua lại cổ phiếu.

CHƯƠNG III: CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA NHÀ ĐẦU TƯ THUỘC ĐỐI TƯỢNG CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 14: Công bố thông tin về sở hữu cổ phiếu của cổ đông lớn

1. Tổ chức, cá nhân, nhóm người có liên quan nắm giữ từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty hoặc khi không còn là cổ đông lớn phải CBTT và báo cáo về giao dịch cổ phiếu cho Công ty, UBCKNN và SGDCK theo Phụ lục số 06 - Thông tư 155/2015/TT-BTC trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn.

2. Cổ đông lớn, nhóm người có liên quan nắm giữ từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty khi có sự tăng hoặc giảm tỷ lệ sở hữu cổ phiếu qua các ngưỡng 1% (kể cả trường hợp cho hoặc được cho, tặng hoặc được tặng, thừa kế, chuyển nhượng hoặc nhận chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu phát hành thêm...) phải CBTT và báo cáo cho UBCKNN, SGDCK và Công ty trong thời hạn 07 ngày, kể từ khi có sự thay đổi trên theo Phụ lục số 07 - Thông tư 155/2015/TT-BTC.

3. Thời điểm bắt đầu, kết thúc việc nắm giữ từ 5% số lượng cổ phiếu hoặc thời điểm thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu qua các ngưỡng 1% nếu tại khoản 1, khoản 3 Điều này được tính kể từ thời điểm hoàn tất giao dịch chứng khoán theo quy định tại khoản 7, Điều 2 Quy chế này.

4. Quy định tại khoản 1, 2 Điều này không áp dụng đối với trường hợp thay đổi tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết phát sinh do Công ty giao dịch cổ phiếu quỹ hoặc phát hành thêm cổ phiếu.

5. Công ty công bố trên website của Công ty trong vòng 03 ngày làm việc sau khi nhận được báo cáo liên quan đến sự thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu của các đối tượng được quy định tại Điều này.

Điều 15: Công bố thông tin về giao dịch của cổ đông sáng lập trong thời gian bị hạn chế chuyển nhượng

1. Chậm nhất 03 ngày làm việc trước khi thực hiện giao dịch, cổ đông sáng lập nắm giữ cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định pháp luật phải gửi báo cáo cho UBCKNN, SGDCK, Trung tâm lưu ký chứng khoán và Công ty về việc thực hiện giao dịch theo Phụ lục số 08 - Thông tư 155/2015/TT-BTC. Trường hợp chuyển nhượng cho người không phải là cổ đông sáng lập, người thực hiện chuyển nhượng phải gửi bổ sung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thông qua việc chuyển nhượng nêu trên.

2. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất giao dịch (trường hợp giao dịch kết thúc trước thời hạn đăng ký) hoặc kết thúc thời hạn dự kiến giao dịch, cổ đông sáng lập phải báo cáo cho UBCKNN, SGDCK, TTLKCK và Công ty về kết quả thực hiện giao dịch đồng thời giải trình lý do không thực hiện giao dịch hoặc không thực hiện hết khối lượng đăng ký (nếu có) theo Phụ lục số 09 - Thông tư 155/2015/TT-BTC.

3. Trong vòng 03 ngày làm việc sau khi nhận được báo cáo liên quan đến sự thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của cổ đông sáng lập theo quy định tại Điều này, Công ty công bố trên website của Công ty.

Điều 16: Công bố thông tin về giao dịch của người nội bộ của Công ty và người có liên quan của người nội bộ

1. Trước ngày thực hiện giao dịch tối thiểu là 03 ngày làm việc, người nội bộ của Công ty và người có liên quan của các đối tượng này phải CBTT và báo cáo cho UBCKNN, SGDCK và Công ty về việc dự kiến giao dịch cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, quyền mua trái phiếu chuyển đổi của Công ty, kể cả trường hợp chuyển nhượng không thông qua hệ thống giao dịch tại SGDCK (như các giao dịch cho hoặc được cho, tặng hoặc được tặng, thừa kế chuyển nhượng hoặc nhận chuyển nhượng cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, quyền mua cổ phiếu, quyền mua trái phiếu chuyển đổi...) theo Phụ lục số 10 hoặc Phụ lục số 11 - Thông tư 155/2015/TT-BTC.

Thời hạn thực hiện giao dịch không quá 30 ngày, kể từ ngày đăng ký thực hiện giao dịch và chỉ được bắt đầu tiến hành phiên giao dịch đầu tiên sau 24 giờ, kể từ khi có CBTT từ SGDCK.

Người nội bộ của Công ty và người có liên quan của các đối tượng này không được đồng thời đăng ký mua và bán cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, quyền mua trái phiếu chuyển đổi của Công ty trong cùng một đợt đăng ký và phải thực hiện giao dịch theo đúng thời gian và khối lượng đã đăng ký.

2. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất giao dịch (trường hợp giao dịch kết thúc trước thời hạn đăng ký) hoặc kết thúc thời hạn dự kiến giao dịch, người nội bộ của Công ty và người có liên quan của các đối tượng này phải báo cáo cho UBCKNN, SGDCK và Công ty về kết quả giao dịch đồng thời giải trình nguyên nhân không thực hiện được các giao dịch hoặc không thực hiện hết khối lượng đăng ký (nếu có) theo Phụ lục số 12 hoặc Phụ lục số 13 - Thông tư 155/2015/TT-BTC.

Người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ chỉ được đăng ký và thực hiện giao dịch tiếp theo khi đã báo cáo kết thúc đợt giao dịch trước đó.

3. Trường hợp sau khi đăng ký giao dịch, đối tượng đăng ký giao dịch không còn là người nội bộ của Công ty hoặc người có liên quan của các đối tượng này, đối tượng đăng ký giao dịch vẫn phải thực hiện báo cáo và CBTT theo quy định tại khoản 1, 2 Điều này.

4. Trường hợp người nội bộ của Công ty hoặc người có liên quan của các đối tượng này đồng thời là cổ đông lớn thì chỉ phải thực hiện nghĩa vụ CBTT áp dụng đối với người nội bộ và người có liên quan.

5. Trường hợp các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị-xã hội của Công ty thực hiện giao dịch cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, quyền mua trái phiếu chuyển đổi của Công ty phải thực hiện nghĩa vụ CBTT như quy định đối với người nội bộ tại khoản 1, 2, 3 Điều này.

6. Trong vòng 03 ngày làm việc sau khi nhận được các báo cáo liên quan đến giao dịch cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, quyền mua trái phiếu chuyển đổi của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ theo quy định tại Điều này, Công ty phải công bố trên website của Công ty.

Điều 17: Công bố thông tin về giao dịch chào mua công khai

1. Cá nhân, tổ chức khi đăng ký chào mua công khai phải đính kèm hồ sơ Bản công bố thông tin chào mua công khai theo mẫu tại Phụ lục số 29 - Thông tư 162/2015/TT-BTC.

2. Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày hoàn thành đợt chào mua công khai, tổ chức hoặc cá nhân thực hiện chào mua công khai phải gửi UBCKNN báo cáo kết quả chào mua công khai, đồng thời CBTT về kết quả chào mua công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng bao gồm trang thông tin của SGDCK trong trường hợp cổ phiếu được chào mua công khai được niêm yết trên SGDCK.

3. Báo cáo kết quả chào mua công khai được lập theo mẫu tại Phụ lục số 30 - Thông tư 162/2015/TT-BTC.

CHƯƠNG IV. QUY TRÌNH CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 18. Nguồn và định dạng thông tin

1. Các loại thông tin chủ yếu phát sinh từ Công ty, bao gồm:

a) Các thông tin định kỳ được thực hiện theo một quy trình đảm bảo thông tin luôn được công bố đầy đủ, chính xác, đúng thời hạn;

b) Các thông tin bất thường về thời gian nhưng thường xuyên phát sinh trong quá trình hoạt động của doanh nghiệp cũng được thực hiện theo một quy trình có thể kiểm soát.

c) Các thông tin bất thường khác và thông tin công bố theo yêu cầu phải có quy định xử lý từ khi tiếp nhận thông tin đến khi CBTT.

2. Các loại thông tin Công ty tiếp nhận từ các đối tượng có nghĩa vụ công bố

a) Công ty lập, lưu trữ thông tin, cập nhật danh sách tổ chức, cá nhân, nhóm người sở hữu 5% sở cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết để theo dõi nghĩa vụ CBTT.

b) Công ty lập, lưu trữ danh sách, thông tin người nội bộ và người có liên quan người nội bộ. Danh sách và thông tin được cập nhật thường xuyên mỗi khi có thay đổi.

c) Việc tiếp nhận, xử lý thông tin từ các đối tượng có nghĩa vụ công bố ở Điểm a, b khoản này và các đối tượng khác, sau đó Công ty thực hiện công bố theo quy định phải được xác lập bằng một quy trình có thể kiểm soát.

3. Các cá nhân, đơn vị chịu trách nhiệm xử lý thông tin có quyền yêu cầu nội bộ Công ty, các đơn vị có vốn góp của Công ty, hoặc người có liên quan khác cung cấp thông tin để phục vụ xử lý thông tin, phù hợp với quy định của pháp luật và Quy chế này.

4. Thông tin được công bố có định dạng chủ yếu như sau:

Văn bản chính (in/photo) có con dấu và chữ ký hợp lệ theo quy định của pháp luật;

File dữ liệu điện tử;

- File có định dạng chủ yếu là .DOC hay .DOCX và .XLS hay .XLSX phải ghi đầy đủ họ tên và chức vụ người ký văn bản, số hiệu, ngày tháng văn bản;
- File có định dạng chủ yếu là .PDF phải từ văn bản gốc có tên và chữ ký của người có thẩm quyền, đóng dấu Công ty, và được áp dụng chữ ký số trong một số trường hợp;

Lưu ý: File điện tử phiên bản tiếng Việt thống nhất đặt tên không dấu, ví dụ "VID_Bao cao tai chinh hop nhat nam 2018", hoặc "VID_Bao-cao-chinh-hop-nhat-nam-2018". Tên File phải đồng nhất khi cùng một File điện tử có các định dạng khác nhau.

Điều 19. Quy trình công bố thông tin

Quy trình CBTT của Công ty được minh họa bằng các Sơ đồ 01, Sơ đồ 02, Sơ đồ 03 là phần không tách rời của Quy chế này, gồm các bước công việc như sau.

1. Bước 1: Chuẩn bị thông tin ban đầu.

- Vào thời điểm kết thúc quý hay kết thúc năm tài chính hoặc khi phát sinh các sự kiện phải công bố theo quy định, Người được ủy quyền CBTT thông báo tới các bộ phận có liên quan về nội dung và thời hạn công bố thông tin của Công ty.

- Các bộ phận có liên quan phải lập báo cáo và gửi đến Người được ủy quyền CBTT trước thời hạn (theo ngày làm việc) phải công bố; việc xác định thời hạn này căn cứ vào từng trường hợp công bố định kỳ, bất thường 24 giờ hoặc theo yêu cầu.

- Báo cáo do các bộ phận có liên quan được lập thành văn bản có ký xác nhận nội dung của cá nhân thực hiện hoặc trưởng bộ phận.

2. Bước 2: Xử lý thông tin.

Sau khi tiếp nhận thông tin do các bộ phận liên quan cung cấp, Người được ủy quyền CBTT tiến hành:

- Kiểm tra, đối chiếu nội dung thông tin với các quy định hiện hành về CBTT;
- Chỉnh sửa, bổ sung thông tin (nếu có), và dự thảo văn bản CBTT kèm theo văn bản pháp lý của Công ty hay theo biểu mẫu quy định của UBCKNN, SGDCK;

3. Bước 3: Phê duyệt thông tin.

- Người được ủy quyền CBTT trình dự thảo văn bản CBTT cho Người đại diện theo pháp luật hay thường trực HĐQT thẩm định và duyệt thuận để sẵn sàng công bố.
- Người được ủy quyền CBTT hay/và Tổng giám đốc được ủy quyền chính thức ký văn bản CBTT, kèm theo các văn bản pháp lý nêu trên;
- Nhân viên Văn thư kiểm tra lại thể thức của văn bản, ghi số hiệu, thời gian ban hành, đóng dấu văn bản, lưu hồ sơ Công ty trước khi thực hiện công bố.

4. Bước 4: Công bố thông tin.

- Văn bản CBTT sau khi được cấp thẩm quyền ký ban hành, sẽ được chuyển đến Người được ủy quyền CBTT để chủ trì-phối hợp công bố thông tin theo quy định của pháp luật hiện hành và Quy chế này.
- Thông tin dạng văn bản (bản chính in/photo) do nhân viên Văn thư gửi qua đường bưu điện hoặc gửi trực tiếp tại trụ sở UBCKNN, SGDCK;
- Đồng thời Người được ủy quyền CBTT gửi File điện tử cho UBCKNN, SGDCK theo hình thức được quy định tại Quy chế này. Trong trường hợp khẩn cấp, thông tin văn bản có thể gửi Fax và sẽ gửi bản chính tiếp theo sau đó cho UBCKNN, SGDCK.
- Bộ phận phụ trách công nghệ thông tin của Công ty đăng tải thông tin trên website của Công ty tại các chuyên mục "Tin tức" hay/và "Quan hệ cổ đông". Trong mục "Quan hệ cổ đông" phải phân chia các tiêu mục phù hợp với từng loại thông tin cụ thể.

5. Bước 5: Xử lý thông tin phản hồi.

Người được ủy quyền CBTT có trách nhiệm:

- Tiếp nhận và tổng hợp các thông tin phản hồi về mức độ chính xác hay ảnh hưởng phát sinh từ thông tin (...) bằng phương thức khác nhau từ các cổ đông/nhà đầu tư, tổ chức, và cơ quan quản lý về thị trường chứng khoán;
- Kiểm tra, xác minh và phối hợp với các phòng ban (nơi cung cấp thông tin ban đầu, nếu có) của Công ty để hiệu chỉnh sơ bộ các thông tin liên quan;
- Báo cáo và đề xuất hướng xử lý cho Người đại diện theo pháp luật xem xét, quyết định cách thức xử lý phù hợp đối với từng loại thông tin phản hồi.

6. Bước 6: Bảo quản và lưu trữ thông tin

- Nội dung và nguyên tắc về bảo quản lưu trữ các thông tin được quy định chi tiết tại Điều 20 Quy chế này.
- Các đối tượng công bố thông tin thực hiện bảo quản, lưu trữ thông tin đã báo cáo hay công bố theo quy định của pháp luật.
- Các bộ phận có liên quan khi cung cấp thông tin cho Người được ủy quyền CBTT phải lập hồ sơ lưu tại đơn vị mình.
- Người được ủy quyền CBTT sau khi tiếp nhận các báo cáo từ các bộ phận có liên quan phải lập hồ sơ cho từng sự kiện kèm theo bản sao văn bản công bố thông tin đã công bố và lưu trữ tại Công ty để kiểm tra, đối chiếu trong trường hợp cần thiết.

Điều 20. Bảo quản và lưu trữ thông tin

1. Về nguyên tắc chung việc lưu trữ các thông tin được công bố là vô thời hạn hoặc tuân thủ theo các quy định riêng của từng loại thông tin. Việc hủy thông tin theo một thời hạn nhất định (nếu có) phải đảm bảo điều kiện quy định tại khoản 7 Điều 3 Quy chế này. Việc hủy thông tin trên các phương tiện CBTT không đồng nhất với việc hủy thông tin (gốc).
2. Các thư điện tử dùng để gửi thông tin chỉ được xóa khi chắc chắn không còn giá trị tham chiếu về việc gửi thông tin.
3. Thông tin công bố phải được lập hồ sơ lưu trữ tại Văn phòng Công ty và đơn vị (trực tiếp) xử lý thông tin ban đầu.
4. Việc lưu trữ thông tin phải đảm bảo cho các cá nhân, tổ chức có liên quan có thể truy cập thuận tiện và nhanh chóng khi cần sử dụng.

CHƯƠNG V: TỔ CHỨC THỰC HIỆN, HIỆU LỰC THI HÀNH

Điều 21: Trách nhiệm của Người được ủy quyền CBTT

1. Người được ủy quyền CBTT giữ vị trí trung tâm liên kết với cá nhân, tổ chức có liên quan để thu thập và xử lý sơ bộ thông tin, trình cấp thẩm quyền phê duyệt, và thực hiện nghĩa vụ CBTT của Công ty theo quy định tại Quy chế này.

2. Chức năng và nhiệm vụ của Người được ủy quyền CBTT.

a) Trung thực, trách nhiệm, cẩn trọng; có kiến thức/chuyên môn về quản trị công ty hay về tài chính kế toán; hiểu biết nhất định về luật pháp; đáp ứng được yêu cầu về kỹ năng giao tiếp, ngoại ngữ, soạn thảo văn bản, tin học...

b) Công khai họ tên, số điện thoại và địa chỉ e-mail nơi làm việc để thuận tiện cho các cổ đông có thể liên hệ.

c) Có đủ thời gian để thực hiện chức trách của mình, đặc biệt là việc liên hệ với các cổ đông ghi nhận những ý kiến của các cổ đông, định kỳ công bố trả lời ý kiến của các cổ đông và các vấn đề quản trị công ty theo quy định

d) Chịu trách nhiệm phụ tá Người đại diện theo pháp luật để thực hiện nghĩa vụ CBTT của Công ty với UBCKNN, SGDCK, nhà đầu tư và những người có liên quan theo các quy định của pháp luật, Điều lệ của Công ty và Quy chế này.

e) Chịu trách nhiệm kiểm soát, đôn đốc và phối hợp với các phòng ban, đơn vị có liên quan xây dựng Báo cáo tình hình quản trị công ty, Báo cáo thường niên, Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên, Báo cáo tài chính, báo cáo về các sự kiện bất thường hay yêu cầu khác... để thực hiện CBTT theo quy định.

3. Điều chỉnh thông tin công bố:

Trường hợp sau khi thực hiện CBTT, Công ty nhận được các ý kiến phản hồi về tính chính xác và đầy đủ của thông tin đã công bố, Người được ủy quyền CBTT thực hiện đối chiếu, xác minh, bổ sung, đính chính (nếu có) các thông tin đó trong vòng 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận được ý kiến phản hồi.

Việc thực hiện CBTT được bổ sung hay đính chính phải phù hợp với các điều khoản liên quan tại Quy chế này.

Điều 22: Trách nhiệm, quan hệ giữa các phòng ban Công ty trong việc CBTT

1. Người được ủy quyền CBTT trong phạm vi chức năng của mình, định kỳ đôn đốc các phòng ban cung cấp các thông tin theo nội dung Quy chế này. Trưởng các phòng ban chịu trách nhiệm về tính chính xác và kịp thời của các thông tin đã cung cấp.

Đối với những thông tin bất thường, thông tin cung cấp theo yêu cầu phải công bố trong thời hạn 24 giờ theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Quy chế này: Trưởng các phòng ban (nơi phát sinh thông tin ban đầu cần cung cấp) có trách nhiệm chủ động cung cấp thông tin cho Người được ủy quyền CBTT trong vòng 12 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện.

2. Người được ủy quyền CBTT tổng hợp các thông tin, trình Người đại diện theo pháp luật (Chủ tịch Hội đồng quản trị) hoặc Tổng giám đốc được ủy quyền phê duyệt nội dung thông tin công bố, thời gian, phương tiện, phân công nhiệm vụ trước khi thực hiện công bố các thông tin theo quy định.

3. Người được ủy quyền CBTT phải kiểm soát quá trình CBTT và báo cáo trực tiếp cho Người đại diện theo pháp luật về kết quả thực hiện.

Điều 23: Tổ chức thực hiện - Xử lý vi phạm

1. Quy chế công bố thông tin này được gửi cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán TP.Hồ Chí Minh, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam - Chi nhánh tại TP.Hồ Chí Minh.

2. Đồng thời, Quy chế này được đăng tải trên website của Công ty và phổ biến đến đơn vị trực thuộc, chi nhánh, công ty con, các phòng ban và toàn thể cán bộ nhân viên Công ty.

3. Trường hợp đơn vị, cá nhân thuộc quản lý của Công ty có hành vi vi phạm các quy định tại Quy chế này thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ chịu các hình thức xử lý kỷ luật, xử lý phạt hành chính, hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự. Trường hợp vi phạm nghiêm trọng Quy chế này và gây nên thiệt hại (vật chất, phi vật chất) cho Công ty thì phải bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

4. Trong quá trình thực hiện Quy chế này, nếu có những điều khoản chưa được quy định hoặc không còn hiệu lực thì Công ty sẽ thực hiện công bố thông tin trên cơ sở quy định của Điều lệ Công ty và các quy định có liên quan của pháp luật.

Điều 24: Hiệu lực thi hành

- Quy chế công bố thông tin của Công ty gồm có 5 chương 24 điều, 4 Phụ lục, 3 Sơ đồ, chính thức có hiệu lực thi hành kể từ ngày 13 tháng 08 năm 2019.
- Mọi sửa đổi bổ sung Quy chế này do Hội đồng quản trị Công ty soát xét, quyết định.

Người đại diện theo pháp luật
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Bùi Quang Mẫn

PHỤ LỤC A. DANH MỤC MẪU BIỂU CÔNG BỐ THÔNG TIN TẠI SSC & HOSE

Theo Thông tư 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính

Mẫu biểu	Diễn giải
Phụ lục số 01	Giấy ủy quyền thực hiện CBTT dành cho tổ chức có nghĩa vụ CBTT
Phụ lục số 02	Giấy ủy quyền thực hiện CBTT dành cho nhà đầu tư cá nhân có nghĩa vụ CBTT
Phụ lục số 03	Bản cung cấp thông tin của người nội bộ
Phụ lục số 04	Báo cáo thường niên
Phụ lục số 05	Báo cáo tình hình quản trị công ty
Phụ lục số 06	Báo cáo về ngày trở thành/không còn là cổ đông lớn
Phụ lục số 07	Báo cáo về thay đổi sở hữu của cổ đông lớn
Phụ lục số 08	Thông báo giao dịch của cổ đông sáng lập
Phụ lục số 09	Báo cáo kết quả giao dịch của cổ đông sáng lập
Phụ lục số 10	Thông báo giao dịch cổ phiếu/chứng chỉ quỹ của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ
Phụ lục số 11	Thông báo giao dịch trái phiếu chuyển đổi, quyền mua cổ phiếu, quyền mua trái phiếu chuyển đổi của người nội bộ và người có liên quan
Phụ lục số 12	Báo cáo kết quả giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người có liên quan
Phụ lục số 13	Báo cáo kết quả giao dịch trái phiếu chuyển đổi; quyền mua cổ phiếu / trái phiếu chuyển đổi của người nội bộ, và người có liên quan

PHỤ LỤC B. DANH MỤC MẪU BIỂU CÔNG BỐ THÔNG TIN TẠI HOSE

Theo Quy chế công bố thông tin (năm 2016) của HOSE

Mẫu biểu	Diễn giải
CBTT/SGDHCM-01	Đăng ký thông tin liên hệ của tổ chức
CBTT/SGDHCM-02	Công bố thông tin trên cổng thông tin điện tử của Ủy ban chứng khoán nhà nước & Sở Giao dịch Chứng khoán TP.Hồ Chí Minh
CBTT/SGDHCM-03	Bảng cung cấp thông tin về quản trị công ty
CBTT/SGDHCM-04	Danh sách cổ đông nhà nước, cổ đông chiến lược, cổ đông lớn và cổ phiếu quỹ
CBTT/SGDHCM-05	Danh sách người nội bộ và những người có liên quan
CBTT/SGDHCM-06	Thay đổi người có liên quan của người nội bộ
CBTT/SGDHCM-07	Đăng ký mô hình công ty và loại Báo cáo tài chính
CBTT/SGDHCM-08	Công bố thông tin thay đổi số lượng cổ phiếu có quyền biểu đang lưu hành
CBTT/SGDHCM-09	Tóm tắt sổ cổ đông của công ty tại ngày dd/mm/yyyy để ...
CBTT/SGDHCM-10	Tóm tắt danh sách nhà đầu tư của Quỹ/Công ty ĐTCK ... tại ngày dd/mm/yyyy để ...

PHỤ LỤC C. TÓM TẮT MỘT SỐ NỘI DUNG TRỌNG YẾU VỀ CÔNG BỐ THÔNG TIN

I. CBTT ĐỊNH KỲ, BẤT THƯỜNG, THEO YÊU CẦU

TT	Tên báo cáo	Thời hạn công bố	Căn cứ	Biểu mẫu
1	Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán	Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không vượt quá 90 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính	Khoản 1 Điều 8 Thông tư 155/2015/TT-BTC	IDS-11.3 IDS Plus
2	Báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét	Trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét nhưng không vượt quá 45 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính	Điều 11 Thông tư 155/2015/TT-BTC	IDS-11.3 IDS Plus
3	Báo cáo tài chính quý / hoặc Báo cáo tài chính quý đã được soát xét (nếu có)	20 ngày kể từ ngày kết thúc quý / hoặc trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét (nếu có)	Điều 11 Thông tư 155/2015/TT-BTC	IDS-11.4 IDS Plus
4	Báo cáo thường niên	Trong vòng hai mươi (20) ngày sau khi công bố BCTC năm được kiểm toán nhưng không được vượt quá 120 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính	Khoản 1 Điều 8 Thông tư 155/2015/TT-BTC	Phụ lục số 04 Thông tư 155/2015/TT-BTC
5	Báo cáo quản trị công ty 06 tháng và năm	Chậm nhất là ba mươi (30) ngày, kể từ ngày kết thúc kỳ báo cáo.	Khoản 6 Điều 11 Thông tư 155/2015/TT-BTC Khoản 3 Điều 7 Quy chế CBTT tại HOSE	Phụ lục số 05 Thông tư 155/2015/TT-BTC HOSE: gửi kèm 01 bản xóa thông tin cá nhân
6	Bảng cung cấp thông tin về quản trị Công ty 06 tháng đầu năm và cả năm dương lịch gửi đến SGDCK	Báo cáo 06 tháng đầu năm chậm nhất là ngày 30/07 và báo cáo năm chậm nhất là ngày 30/01 năm tiếp theo.	Khoản 4 Điều 7 Quy chế CBTT tại HOSE	- Một (01) bản theo mẫu CBTT/SGDHCM-03 - Một (01) bản dữ liệu điện tử định dạng Excel

TT	Tên báo cáo	Thời hạn công bố	Căn cứ	Biểu mẫu
7	Họp Đại hội đồng cổ đông thường niên*	Trường hợp lập danh sách cổ đông thực hiện quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông, phải công bố tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng Thông báo mời họp chậm nhất 15 ngày trước ngày họp Đại hội* Công bố Tài liệu Đại hội chậm nhất 10 ngày trước ngày họp Đại hội*	Khoản 3 Điều 8 Thông tư 155/2015/TT-BTC Điều 18 Điều lệ Công ty	
8	CBTT bất thường 24 giờ	Trong vòng 24 giờ, kể từ khi xảy ra sự kiện	Điều 9, Điều 12 Thông tư 155/2015/TT-BTC	
9	CBTT theo yêu cầu	Trong vòng 24 giờ, kể từ khi nhận được yêu cầu của UBCKNN, SGDCK	Điều 10, Điều 13 Thông tư 155/2015/TT-BTC	

II. BÁO CÁO VÀ CBTT VỀ VIỆC CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN RA CÔNG CHÚNG

1. Báo cáo và CBTT về việc Chào bán chứng khoán ra công chúng

TT	Tên báo cáo	Thời hạn công bố	Căn cứ	Biểu mẫu
1.1	CBTT về việc chào bán cổ phiếu ra công chúng	Trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng khoán ra công chúng có hiệu lực	Điều 23 Thông tư 162/2015/TT-BTC	Phụ lục 11 Thông tư 162/2015/TT-BTC
1.2	CBTT về việc chào bán trái phiếu ra công chúng	Trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng khoán ra công chúng có hiệu lực	Điều 23, Thông tư 162/2015/TT-BTC	Phụ lục 12 Thông tư 162/2015/TT-BTC
1.3	Báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu ra công chúng	Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán	Điều 24 Thông tư 162/2015/TT-BTC	Phụ lục 13 Thông tư 162/2015/TT-BTC
1.4	Báo cáo kết quả chào bán trái phiếu ra công chúng	Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán	Điều 24 Thông tư 162/2015/TT-BTC	Phụ lục 14 Thông tư 162/2015/TT-BTC
1.5	Báo cáo tiến độ sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán chứng khoán ra công chúng	Đối với trường hợp huy động vốn để thực hiện dự án đầu tư, định kỳ 06 tháng kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán	Khoản 5 Điều 9 Nghị định 58/2012/NĐ-CP	Mẫu số 05 Nghị định 58/2012/NĐ-CP
1.6	Báo cáo thay đổi mục đích sử dụng vốn từ đợt chào bán chứng khoán ra công chúng	Trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày có quyết định của Hội đồng quản trị	Khoản 5 Điều 9 Nghị định 58/2012/NĐ-CP	Mẫu số 04 Nghị định 58/2012/NĐ-CP

2. Báo cáo và CBTT về việc Phát hành thêm cổ phiếu

TT	Tên báo cáo	Thời hạn công bố	Căn cứ	Biểu mẫu
2.1	CBTT phát hành cổ phiếu để trả cổ tức / phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu	Ít nhất bảy (07) ngày làm việc trước ngày đăng ký cuối cùng để phân bổ quyền	Điều 37 Thông tư 162/2015/TT-BTC	Phụ lục 19 Thông tư 162/2015/TT-BTC
2.2	CBTT phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong công ty	Ít nhất bảy (07) ngày làm việc trước ngày kết thúc việc thu tiền mua lại cổ phiếu hoặc ngày chuyển quyền sở hữu cổ phiếu thưởng cho người lao động	Điều 37 Thông tư 162/2015/TT-BTC	Phụ lục 20 Thông tư 162/2015/TT-BTC
2.3	Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức / phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu	Trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày đăng ký cuối cùng để phân bổ quyền	Điều 37 Thông tư 162/2015/TT-BTC	Phụ lục 21 Thông tư 162/2015/TT-BTC
2.4	Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong công ty	Trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc việc thu tiền mua lại cổ phiếu hoặc ngày chuyển quyền sở hữu cổ phiếu thưởng cho người lao động	Điều 37 Thông tư 162/2015/TT-BTC	Phụ lục 22 Thông tư 162/2015/TT-BTC

3. Báo cáo và CBTT về việc Mua lại cổ phiếu, Bán cổ phiếu quỹ

TT	Tên báo cáo	Thời hạn công bố	Căn cứ	Biểu mẫu
3.1	CBTT mua lại cổ phiếu / bán cổ phiếu quỹ	Trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày UBCKNN thông báo về việc nhận được đầy đủ tài liệu báo cáo mua lại / bán cổ phiếu quỹ	Điều 44 Thông tư 162/2015/TT-BTC	Phụ lục 24 Thông tư 162/2015/TT-BTC
3.2	Báo cáo kết quả giao dịch mua lại cổ phiếu / bán cổ phiếu quỹ	Trong thời hạn mười (10) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc giao dịch mua lại / bán cổ phiếu quỹ	Điều 44 Thông tư 162/2015/TT-BTC	Phụ lục 25 Thông tư 162/2015/TT-BTC
3.3	Thông báo quyết định của công ty về việc thay đổi phương án giao dịch mua lại cổ phiếu / bán cổ phiếu quỹ	Trong thời hạn 24 giờ kể từ ngày có quyết định	Điều 46 Thông tư 162/2015/TT-BTC	Phụ lục 26 Thông tư 162/2015/TT-BTC
3.4	Thông báo thay đổi phương án giao dịch mua lại cổ phiếu / bán cổ phiếu quỹ	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi được UBCKNN chấp thuận	Điều 46 Thông tư 162/2015/TT-BTC	Phụ lục 27 Thông tư 162/2015/TT-BTC

4. Báo cáo và CBTT về Chào mua công khai

TT	Tên báo cáo	Thời hạn công bố	Căn cứ	Biểu mẫu
4.1	CBTT chào mua công khai	Trong thời hạn năm (05) ngày kể từ ngày hoàn thành đợt chào mua công khai	Điều 52 Nghị định 58/2012/NĐ-CP Điều 51 Thông tư 162/2015/TT-BTC	Phụ lục 29 Thông tư 162/2015/TT-BTC
4.2	Báo cáo kết quả chào mua công khai	Trong thời hạn năm (05) ngày kể từ ngày hoàn thành đợt chào mua công khai	Điều 52 Nghị định 58/2012/NĐ-CP Điều 52 Thông tư 162/2015/TT-BTC	Phụ lục 30 Thông tư 162/2015/TT-BTC

5. Báo cáo và CBTT về Phát hành cổ phiếu mới làm cơ sở cho chào bán chứng chỉ lưu ký tại nước ngoài

TT	Tên báo cáo	Thời hạn công bố	Căn cứ	Biểu mẫu
5.1	CBTT về phát hành cổ phiếu làm cơ sở cho chào bán chứng chỉ lưu ký tại nước ngoài		Điều 54 Thông tư 162/2015/TT-BTC	Phụ lục 32 Thông tư 162/2015/TT-BTC
5.2	CBTT về hỗ trợ phát hành chứng chỉ lưu ký tại nước ngoài		Điều 55 Thông tư 162/2015/TT-BTC	Phụ lục 33 Thông tư 162/2015/TT-BTC

6. Báo cáo và CBTT về việc Chào bán cổ phiếu riêng lẻ

TT	Tên báo cáo	Thời hạn công bố	Căn cứ	Biểu mẫu
6.1	Báo cáo kết quả đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ	Trong vòng mười (10) ngày kể từ khi hoàn thành đợt chào bán	Khoản 4 Điều 6 Nghị định 58/2012/NĐ-CP	Mẫu số 02 Nghị định 58/2012/NĐ-CP
6.2	Thay đổi phương án sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ	Trong vòng mười (10) ngày kể từ ngày có quyết định của Hội đồng quản trị theo ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông	Khoản 4 Điều 7 Nghị định 58/2012/NĐ-CP	Mẫu số 03 Nghị định 58/2012/NĐ-CP

7. Báo cáo và CBTT về việc Chào bán chứng khoán tại nước ngoài của doanh nghiệp Việt Nam

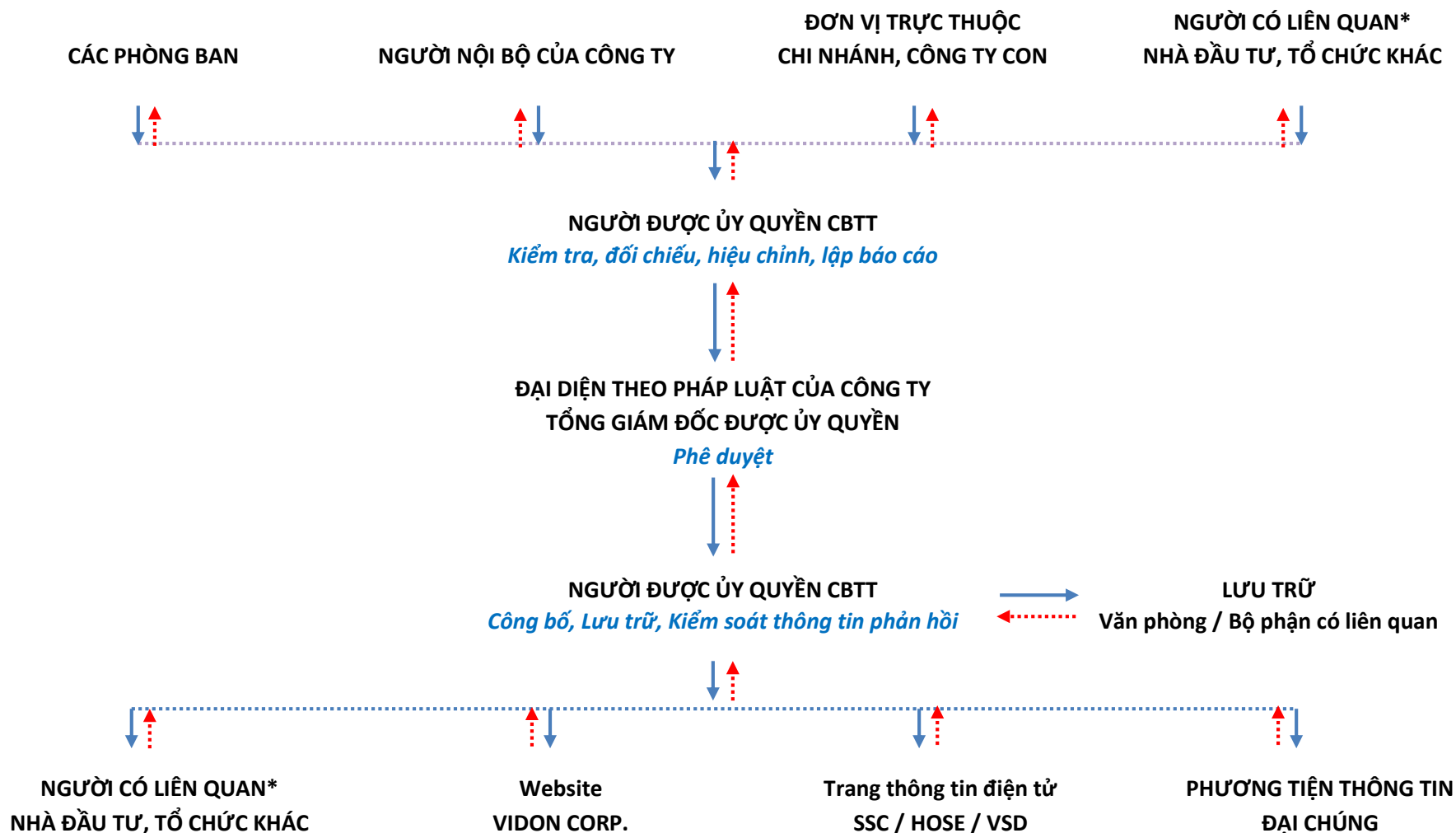
TT	Tên báo cáo	Thời hạn công bố	Căn cứ	Biểu mẫu
7.1	Báo cáo kết quả chào bán chứng khoán tại nước ngoài của doanh nghiệp Việt Nam	Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán	Điều 31 Nghị định 58/2012/NĐ-CP	
7.2	Báo cáo thay đổi (điều chỉnh) phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán chứng khoán tại nước ngoài	Định kỳ sáu (06) tháng kể từ ngày kết thúc đợt chào bán	Điều 32 Nghị định 58/2012/NĐ-CP	Mẫu số 06 Nghị định 58/2012/NĐ-CP
7.3	Báo cáo tiến độ sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán chứng khoán tại nước ngoài của doanh nghiệp Việt Nam	Định kỳ sáu (06) tháng kể từ ngày kết thúc đợt chào bán	Điều 32 Nghị định 58/2012/NĐ-CP	Mẫu số 07 Nghị định 58/2012/NĐ-CP

PHỤ LỤC D: CÁC PHƯƠNG TIỆN & HÌNH THỨC CBTT CỦA VIDON CORP.

Phương tiện CBTT		
1	Hệ thống công bố thông tin SSC - IDS Plus	x http://ids.ssc.gov.vn/idsWebApp/login/index.ubck
2	Trang thông tin điện tử HOSE	x https://cbtt.hsx.vn/Home/Login.aspx?ReturnUrl=%2fDefault.aspx
3	Trang thông tin điện tử VSD	x http://vsd.vn/p5c28/739/chi-tiet-thong-tin-to-chuc-VID.htm
4	Website* VIDON CORP.	x https://www.dautuviendong.vn/
5	Ấn phẩm, hoạt động truyền thông khác của VIDON CORP.	x
6	Phương tiện truyền thông đại chúng theo luật định	x

Hình thức CBTT		Nơi nhận						Lưu trữ / Thời gian theo luật định			
Phát hành / CBTT		SSC	HOSE	VSD	HDQT	BKS	BTGD	Website*	Văn phòng	Người được uỷ quyền CBTT	Bộ phận có liên quan
1	Văn bản chính in-photo	Văn phòng							x	x	x
2	File điện tử / Chữ ký số	Người được UQ/CBTT						x		x	x

SƠ ĐỒ 01: QUY TRÌNH THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA VIDON CORP.



Ghi chú: → Cung cấp, Tiếp nhận, Xử lý thông tin

.....> Phản hồi thông tin / Yêu cầu xử lý lại thông tin

* Người có liên quan của người nội bộ của công ty

SƠ ĐỒ 02: QUY TRÌNH PHỐI HỢP CBTT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

BƯỚC CÔNG VIỆC		BCTC QUÝ	BCTC SOÁT XÉT	BCTC KIỂM TOÁN
B1	Người được ủy quyền CBTT	Thông báo thời hạn CBTT vào ngày kết thúc kỳ báo cáo	Thông báo thời hạn CBTT vào ngày kết thúc kỳ báo cáo	Thông báo thời hạn CBTT vào ngày kết thúc kỳ báo cáo
B2	Bộ phận có liên quan*	Chuẩn bị trong vòng (10) ngày kể từ ngày kết thúc kỳ báo cáo	Chuẩn bị trong vòng (30) ngày kể từ ngày kết thúc kỳ báo cáo	Chuẩn bị trong vòng (70) ngày kể từ ngày kết thúc kỳ báo cáo
B3	Chủ tịch HĐQT** Tổng giám đốc được ủy quyền	Xét duyệt trong vòng (05) ngày kể từ ngày nhận thông tin	Xét duyệt trong vòng (10) ngày kể từ ngày nhận thông tin	Xét duyệt trong vòng (15) ngày kể từ ngày nhận thông tin
B4	Người được ủy quyền CBTT	CBTT trong vòng (02) ngày kể từ ngày nhận thông tin	CBTT trong vòng (02) ngày kể từ ngày nhận thông tin	CBTT trong vòng (02) ngày kể từ ngày nhận thông tin
B5	Thực hiện CBTT Website/HOSE/SSC/VSD	Kiểm tra trong vòng (03) ngày kể từ ngày thực hiện CBTT	Kiểm tra trong vòng (03) ngày kể từ ngày thực hiện CBTT	Kiểm tra trong vòng (03) ngày kể từ ngày thực hiện CBTT
B6	Lưu trữ			
Thời hạn CBTT		Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày kết thúc quý	Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày TCKT ký BCSX, không quá 45 ngày, kể từ ngày kết thúc giữa niên độ tài chính	Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày TCKT ký BCKT, không quá 90 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

Ghi chú: → Cung cấp, Tiếp nhận, Xử lý thông tin

→ Phản hồi thông tin / Yêu cầu xử lý lại thông tin

* Bộ phận có liên quan: chủ trì {p.KTTC}; phối hợp {Ban QHCD, Ban Trợ lý, Văn phòng}

** Người đại diện theo pháp luật của công ty

SƠ ĐỒ 03: QUY TRÌNH PHỐI HỢP CBTT ĐỊNH KỲ - CÁC SỰ KIỆN TRỌNG YẾU

BƯỚC CÔNG VIỆC		BÁO CÁO QUẢN TRỊ CÔNG TY	BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN	TÀI LIỆU HỢP DHCD
B1	Người được ủy quyền CBTT	Thông báo thời hạn CBTT vào ngày kết thúc kỳ báo cáo	Thông báo thời hạn CBTT vào ngày kết thúc kỳ báo cáo	Thông báo thời hạn CBTT vào ngày Thông báo ngày ĐKCC
B2	Bộ phận có liên quan*	Chuẩn bị trong vòng (20) ngày kể từ ngày kết thúc kỳ báo cáo	Chuẩn bị trong vòng (10) ngày kể từ ngày công bố BCTC năm đã được kiểm toán	Chuẩn bị trước min=(30) ngày trước ngày tổ chức họp DHCD
B3	Chủ tịch HĐQT** Tổng giám đốc được ủy quyền	Xét duyệt trong vòng (05) ngày kể từ ngày nhận thông tin	Xét duyệt trong vòng (05) ngày kể từ ngày nhận thông tin	Xét duyệt trong vòng (15) ngày kể từ ngày nhận thông tin
B4	Người được ủy quyền CBTT	CBTT trong vòng (02) ngày kể từ ngày nhận thông tin	CBTT trong vòng (02) ngày kể từ ngày nhận thông tin	CBTT trong vòng (02) ngày kể từ ngày nhận thông tin
B5	Thực hiện CBTT Website/HOSE/SSC/VSD	Kiểm tra trong vòng (03) ngày kể từ ngày thực hiện CBTT	Kiểm tra trong vòng (03) ngày kể từ ngày thực hiện CBTT	Kiểm tra trong vòng (03) ngày kể từ ngày thực hiện CBTT
B6	Lưu trữ			
Thời hạn CBTT		Thời hạn chậm nhất =(30) ngày kể từ ngày kết thúc kỳ báo cáo 06 tháng và năm	Thời hạn chậm nhất =(20) ngày sau khi công bố BCTC năm đã được kiểm toán	Thời hạn chậm nhất =(10) ngày trước ngày họp DHCD*

Ghi chú: → Cung cấp, Tiếp nhận, Xử lý thông tin

.....→ Phản hồi thông tin / Yêu cầu xử lý lại thông tin

* Bộ phận có liên quan: chủ trì {Ban QHCD}; phối hợp {p.KTTC, Ban Trợ lý, Văn phòng}

** Người đại diện theo pháp luật của công ty